

VAW
2020

VIAC

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ THỜI HIỆU KHỞI KIẾN, THỜI HIỆU YÊU CẦU VÀ CÁCH GIẢI QUYẾT TRONG CÁC BẢN ÁN CỦA TÒA ÁN

Thẩm phán Nguyễn Đình Tiến

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

A person in a business suit is sitting at a desk, typing on a laptop. The desk is cluttered with various items: a laptop, a calculator, a pen, and some papers. The background is a solid blue color with a diagonal split. The text "ĐẶT VẤN ĐỀ" is overlaid on the image in a large, white, sans-serif font.

II

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thời hiệu khởi kiện

Thời hiệu khởi kiện theo quy định pháp luật hiện hành

Bộ luật dân sự 2015 quy định:

- Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu tòa án giải quyết vụ việc dân sự nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện.
- Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự được tính từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.



Thời hiệu khởi kiện

Thời hiệu khởi kiện theo quy định pháp luật hiện hành



Quan điểm 1:

Khi thời hiệu khởi kiện kết thúc thì mất quyền khởi kiện nghĩa là người khởi kiện không có quyền khởi kiện và họ không có quyền nộp đơn khởi kiện, bên có nghĩa vụ cũng không phải thực hiện nghĩa vụ.



Quan điểm 2:

Khi thời hiệu khởi kiện kết thúc thì người khởi kiện không có quyền khởi kiện tranh chấp nhưng có quyền khởi kiện đòi nghĩa vụ phải thanh toán đã được xác định (như hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng dịch vụ...) và coi đây là vụ kiện đòi lại tài sản.

Thời hiệu khởi kiện hầu như đều được hiểu giống nhau trong tất cả các luật, duy chỉ có cách hiểu về hậu quả pháp lý khi thời hiệu kết thúc là còn có nhiều quan điểm khác nhau.



01

**Một số quy định chung
về thời hiệu khởi kiện**

1.1. Áp dụng quy định về thời hiệu

Khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hiệu giải quyết việc dân sự

"1. Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc.

2. Người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu có quyền từ chối áp dụng thời hiệu, trừ trường hợp việc từ chối đó nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ".

Điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

"1. Sau khi thụ lý vụ án thuộc thẩm quyền của mình, Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự trong các trường hợp sau đây:

...e) Đương sự có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện đã hết".

1.1. Áp dụng quy định về thời hiệu

Một số khó khăn khi giải quyết vụ án dân sự tại tòa án

- Thứ nhất, khoản 2 Điều 184 BLTTDS 2015 quy định Tòa án chỉ áp dụng thời hiệu khi đương sự có yêu cầu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định, nội dung này cho thấy đây là quyền của đương sự được yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu để giải quyết. Tuy nhiên, pháp luật không quy định Tòa án phải giải thích cho đương sự được biết để thực hiện quyền này.
- Thứ hai, với quy định tại khoản 2 Điều 184 BLTTDS 2015 tạo cho các Tòa án có nhiều cách hiểu khác nhau, thậm chí các Thẩm phán trong cùng một Tòa án cũng có thể có nhiều cách hiểu khác nhau.
- Thứ ba, pháp luật tố tụng dân sự quy định đương sự được thực hiện quyền yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc. Nếu quy định như vậy, đương sự không biết quyền này và không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung, , đến khi hết thời gian chuẩn bị xét xử sơ thẩm (từ 04 đến 06 tháng), Tòa án đưa vụ án ra xét xử, thậm chí trước khi Hội đồng xét xử nghị án là phần tranh luận của các đương sự, lúc đó đương sự mới yêu cầu Hội đồng xét xử áp dụng thời hiệu để giải quyết vụ án thì lúc này nếu hết thời hiệu khởi kiện Tòa án phải ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án

1.2. Không áp dụng thời hiệu khởi kiện

Theo quy định tại Điều 155 của BLDS năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện không áp dụng trong trường hợp sau đây:

- Yêu cầu bảo vệ quyền nhân thân không gắn với tài sản.
- Yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác.
- Tranh chấp về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.
- Trường hợp khác do luật quy định.

1.3. Thời gian không tính vào thời hiệu

Điều 156 của BLDS năm 2015 có quy định như sau: Thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự là khoảng thời gian xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

01

Sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan làm cho chủ thể có quyền khởi kiện, quyền yêu cầu không thể khởi kiện, yêu cầu trong phạm vi thời hiệu.

02

Chưa có người đại diện trong trường hợp người có quyền khởi kiện, người có quyền yêu cầu là người chưa thành niên, mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự

03

Người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự chưa có người đại diện khác thay thế

1.4. Bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự

Tại Điều 157 BLDS năm 2015 quy định thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại trong trường hợp sau đây:

- Bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện;
- Bên có nghĩa vụ thừa nhận hoặc thực hiện xong một phần nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện;
- Các bên đã tự hòa giải với nhau.

Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại kể từ ngày tiếp theo sau ngày xảy ra sự kiện theo các trường hợp nêu trên.

The background image shows a person in a light blue business suit and tie, sitting at a wooden desk. Their hands are on a laptop keyboard. On the desk, there are several documents with charts and graphs, a white calculator, and a blue pen. The image is overlaid with a large blue triangle pointing towards the bottom right, and a bright blue triangle in the top right corner.

02

**Thời hiệu khởi kiện đối
với một số tranh chấp
dân sự**

2.1. Thời hiệu thừa kế

Quy định về thời hiệu thừa kế

Điều 623 của BLDS năm 2015 quy định:

- Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế.
- Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác là 10 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế.
- Thời hiệu yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại là 03 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế.

Quy định về thời điểm mở thừa kế

Khoản 1 Điều 611 của BLDS năm 2015 quy định:

- Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết. Trường hợp Tòa án tuyên bố một người là đã chết thì thời điểm mở thừa kế là ngày được xác định tại khoản 2 Điều 71 của BLDS năm 2015.

Cũng có quan điểm cho rằng đối với các trường hợp mở thừa kế trước ngày 10/9/1990 thì thời hiệu thừa kế phải tính từ ngày 10/9/1990 theo quy định Pháp lệnh thừa kế năm 1990, BLDS năm 1995 và văn bản hướng dẫn liên quan.

2.1. Thời hiệu thừa kế

Một số quy định về thời hiệu thừa kế tại Bộ luật dân sự năm 2015 và một số văn bản hướng dẫn liên quan

- Khoản 1 Điều 688 BLDS năm 2015
- Tiểu mục 1 Mục III Công văn số 01/GĐ-TANDTC ngày 25/7/2016 của TANDTC giải đáp một số vấn đề về hình sự, tố tụng hình sự, tố tụng dân sự;
- Khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC
- Mục I về dân sự Công văn số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của TANDTC giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ

2.2. Thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại

Theo quy định tại Điều 588 của BLDS năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

Đây là điểm mới so với quy định của BLDS năm 2005. Theo quy định tại Điều 607 của BLDS năm 2005 thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là 02 năm, kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác bị xâm hại.

2.3. Thời hiệu yêu cầu tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu

Thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu:

*Đối với **Nhóm 01** gồm các giao dịch dưới đây là **02 NĂM**:

1. giao dịch dân sự vô hiệu do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện;
2. giao dịch dân sự vô hiệu do bị nhầm lẫn;
3. giao dịch dân sự vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép;
4. giao dịch dân sự vô hiệu do người xác lập không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình
5. giao dịch dân sự vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức

*Đối với **Nhóm 02** gồm các giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội; giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo là **KHÔNG HẠN CHẾ**.

2.3. Thời hiệu yêu cầu tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu

Mốc thời gian tính thời hiệu đối với Nhóm 01

Bộ luật dân sự năm 2005

[...] kể từ ngày giao dịch dân sự được xác lập

Bộ luật dân sự năm 2015

[...] kể từ ngày:

- Người đại diện của người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự biết hoặc phải biết người được đại diện tự mình xác lập, thực hiện giao dịch;
- Người bị nhầm lẫn, bị lừa dối biết hoặc phải biết giao dịch được xác lập do bị nhầm lẫn, do bị lừa dối;
- Người có hành vi đe dọa, cưỡng ép chấm dứt hành vi đe dọa, cưỡng ép;
- Người không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình xác lập giao dịch;
- Giao dịch dân sự được xác lập trong trường hợp giao dịch dân sự không tuân thủ quy định về hình thức.

2.4. Thời hiệu khởi kiện để toà án GQTC hợp đồng

Theo quy định tại Điều 429 của BLDS năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

Đây là điểm mới so với quy định của BLDS năm 2005. Theo quy định tại Điều 427 của BLDS năm 2005 thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 02 năm, kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác bị xâm hại.

2.5. Thời hiệu khởi kiện theo quy định của luật khác

Một số quy định về thời hiệu khởi kiện và thời hiệu yêu cầu

Áp dụng đối với	Thời hiệu	Quy định
Các tranh chấp thương mại	02 NĂM kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hại (có trường hợp ngoại trừ)	Điều 319 Luật Thương mại năm 2005
Yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài	30 NGÀY kể từ ngày tòa án nhận được phán quyết trọng tài	Điều 69 Luật Trọng tài thương mại năm 2010
Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm	03 NĂM kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp	Điều 30 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (SĐ, BS năm 2019)
Tranh chấp liên quan đến hợp đồng bảo hiểm hàng hải	Tùy từng trường hợp cụ thể	Điều 336 Bộ Luật hàng hải Việt Nam năm 2015

2.5. Thời hiệu khởi kiện theo quy định của luật khác

Thời hiệu khởi kiện thuộc phạm vi luật tố tụng hay thuộc luật nội dung liên quan đến việc Tòa án xem xét yêu cầu huỷ các phán quyết Trọng tài thương mại?

Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đã quy định thời hiệu được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, điều này cũng đã chỉ rõ thời hiệu thuộc phạm vi của luật nội dung. Mà thực tế giải quyết các vụ án Kinh doanh thương mại có liên quan đến thời hiệu tại Tòa án thì phải xem xét toàn bộ quá trình giao dịch (ký kết, thực hiện hợp đồng) mới có thể xác định được thời điểm tính thời hiệu.

KẾT LUẬN

Trong giải quyết các tranh chấp thương mại tại Tòa án thì việc xem xét thời hiệu là yếu tố quan trọng hàng đầu trong quá trình hình thành đường lối giải quyết vụ án đối với các thẩm phán Tòa án.



“

Xin cảm ơn!

TRUNG TÂM TRỌNG TÀI QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: 0243.574.4001 | Fax: 0243.574.3001